

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng với thanh khoản tăng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

FTS, LPB

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp tăng điểm, ưu tiên cơ cấu tỷ trọng danh mục về ngưỡng an toàn khi chỉ số hoặc cổ phiếu đang nằm giữ vượt đỉnh.

28/03/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,290.18	+0.55
VN30	1,303.20	+1.12
HĐTL VN30F1M	1,306.90	+1.47
HNXIndex	243.92	+0.44
HNX30	538.30	+0.49
UPCoM	91.48	+0.33
USD/VND	24,784	+0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.59	+1
Lãi suất qua đêm (%)	0.25	+6
Dầu (WTI, \$)	81.74	+0.48
Vàng (LME, \$)	2,193.81	-0.04



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,290.18 (+0.55%)
KLGD (triệu CP) 888.4 (+18.6%)
GTGD (triệu US\$) 1,043.8 (+7.5%)

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng với thanh khoản tăng. Khối ngoại bán ròng 1326.83 tỷ đồng, tập trung tại VHM (+1.88%), VRE (-1.16%), TCB (5.38%).

HNXIndex 243.92 (+0.44%)
KLGD (triệu CP) 84.1 (+1.3%)
GTGD (triệu US\$) 71.6 (+7.2%)

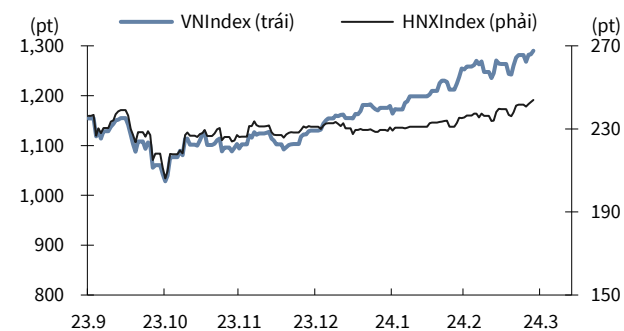
Giá thép giao tháng 5/2024 trên Sàn giao dịch Thương Hải giảm 16 nhân dân tệ xuống mức 3,486 nhân dân tệ/tấn tại thời điểm khảo sát vào lúc 9h30 ngày 28/3 (theo giờ Việt Nam). Cổ phiếu ngành thép giảm giá ở HPG (-0.16%), HSG (-0.21%).

UPCoM 91.48 (+0.33%)
KLGD (triệu CP) 36.6 (-16.3%)
GTGD (triệu US\$) 17.2 (-14.0%)

Chốt phiên giao dịch, giá dầu thô Brent giảm 22 US cent xuống 85.41 USD/thùng và giá dầu thô WTI của Mỹ cũng giảm 27 US cent xuống 81.35 USD. Cổ phiếu dầu khí giảm giá ở PVB (-2.04%), PVD (-0.92%).

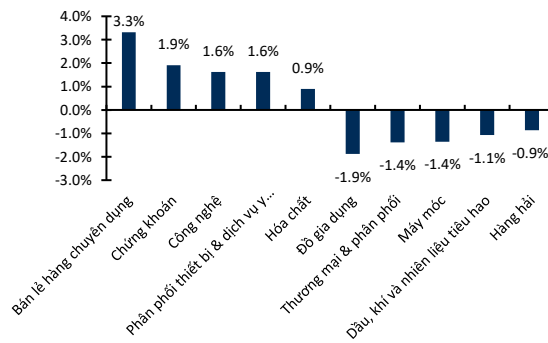
NDTNN mua ròng (triệu US\$) -51.7

VNIndex & HNXIndex



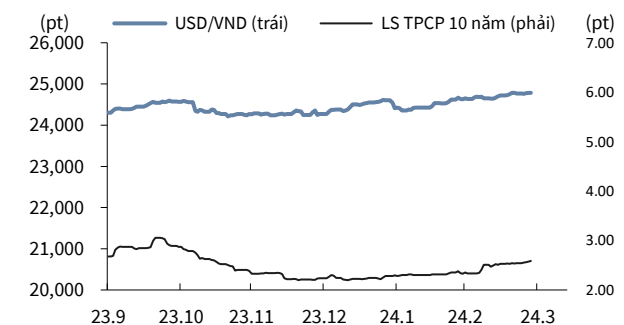
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



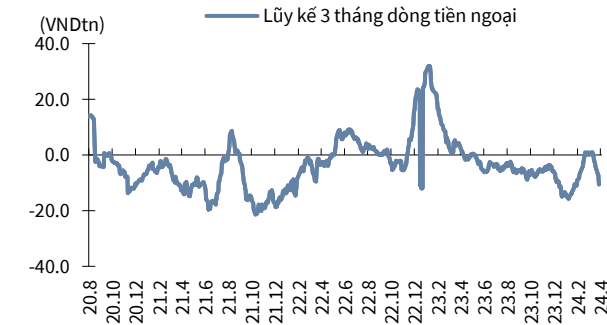
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

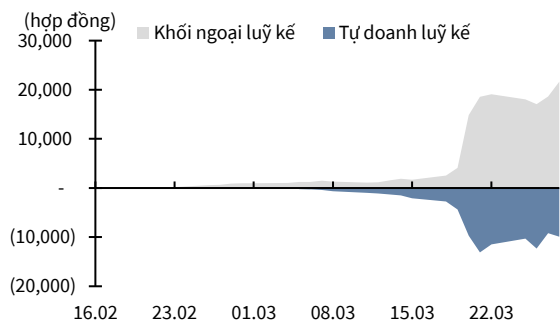
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,303.20 (+1.12%)
VN30F1M	1,306.9 (+1.47%)
Mở cửa	1,294.0
Cao nhất	1,306.9
Thấp nhất	1,293.7
KLGD (HĐ)	197,816 (+1.4%)

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2404 và VN30 mở cửa ở mức 6.83 điểm, sau đó biến động quanh mức -1.1 điểm toàn phiên, đóng cửa tại 3.7 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

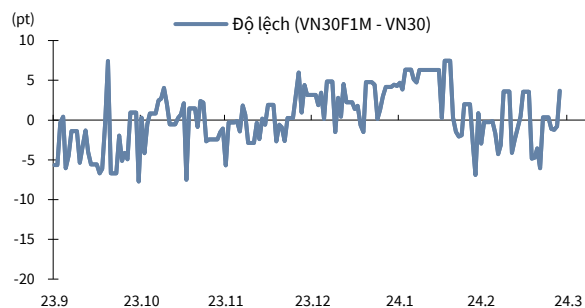
Khối ngoại mua ròng 2,998 HĐTL VN30F2404 và đang duy trì vị thế mua lũy kế 21,641 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK bán ròng 741 hợp đồng và đang duy trì vị thế bán lũy kế 9,922 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



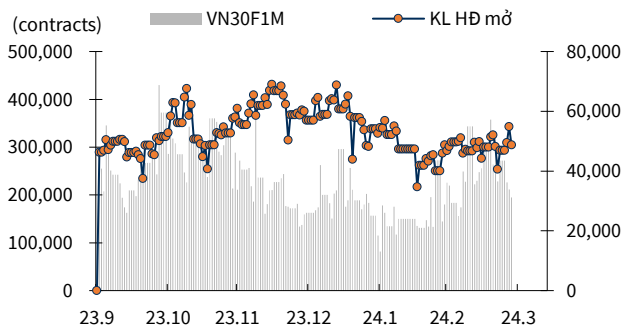
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



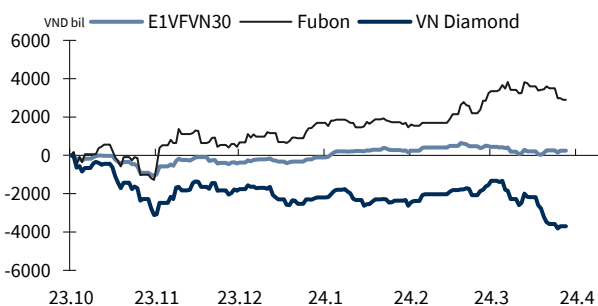
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

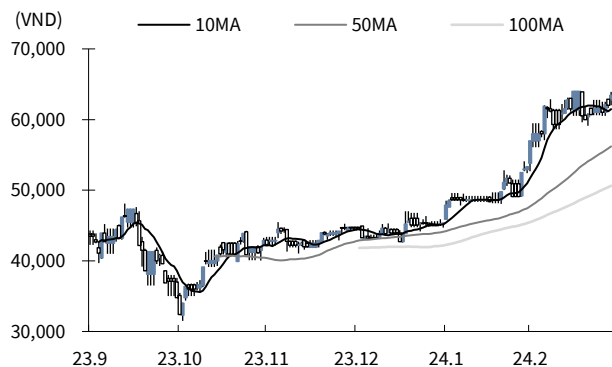
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Chứng khoán FPT (FTS)

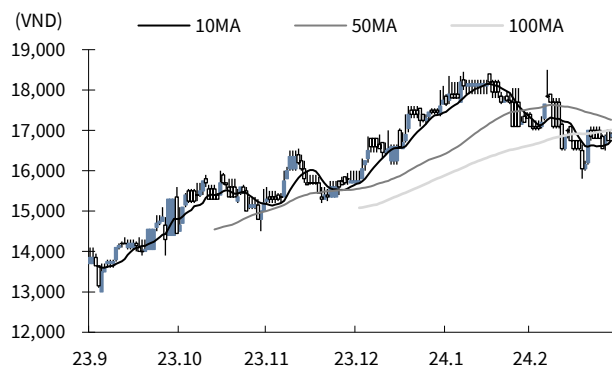


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- FTS tăng 2.26% lên 63,400 VND/cp

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của CTCP Chứng khoán FPT được tổ chức chiều 28/3 ở trụ sở công ty tại 52 đường Lạc Long Quân, quận Tây Hồ, TP Hà Nội. Trong năm 2024, Chứng khoán FPT đặt mục tiêu doanh thu và lãi trước thuế năm 2024 lần lượt ở mức 845 tỷ đồng và 420 tỷ đồng, giảm gần 8% và 18% so với thực hiện năm trước. Dù đặt kế hoạch đi lùi, FPTS vẫn sẽ mở rộng thêm đội ngũ nhân viên. Dự kiến năm 2024 là 540 người, tăng thêm 30 người so với năm 2023.

Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (LPBank)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- LPBank tăng 0.9% lên 16,900 VND/cp

- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (LPBank - mã chứng khoán: LPB) vừa công bố tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) 2024. Tại ĐHĐCĐ, LPBank sẽ trình phương án tăng vốn điều lệ thêm tối đa 8,000 tỷ đồng thông qua việc chào bán 800 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sau khi được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Giá chào bán dự kiến không thấp hơn mệnh giá, sẽ được ủy quyền cho Hội đồng Quản trị (HĐQT) quyết định. Hiện vốn điều lệ của LPBank là 25,576 tỷ đồng. Sau chào bán, vốn điều lệ của ngân hàng sẽ lên mức 33,576 tỷ đồng, thuộc nhóm các nhà băng có vốn cao nhất Việt Nam.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp bật tăng mạnh đầu phiên, VNIndex dần chững lại và vận động rung lắc giằng co trong hầu hết phần còn lại của phiên giao dịch.
- Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn đóng vai trò nâng đỡ chính cho chỉ số, tạo hiệu ứng rút chân nền và bảo toàn được phần lớn thành quả tăng điểm ngay từ đầu phiên. Mặc dù vậy, những nỗ lực của nhóm dẫn dắt vẫn chưa thể giúp cho chỉ số đóng cửa trên mốc đỉnh ngắn hạn, cho thấy áp lực từ phe bán vẫn tương đối quyết liệt. Nhiều khả năng VNIndex tiếp tục vận động rung lắc giằng co trong vùng 1300 (+-10), và rủi ro đảo chiều xu hướng vẫn nên được lưu ý nếu chỉ số xuất hiện những phiên bulltrap mạnh hoặc tăng vượt đỉnh nhưng không đi kèm khối lượng giao dịch tăng tương xứng.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp tăng điểm, ưu tiên cơ cấu tỷ trọng danh mục về ngưỡng an toàn khi chỉ số hoặc cổ phiếu đang nằm giữ vượt đỉnh.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1327 – 1330

Kháng cự gần: 1311 – 1315

Hỗ trợ gần: 1284 – 1288

Hỗ trợ xa: 1266 – 1271

- Sau nhíp mở gap tăng điểm đầu phiên, F1 dần chứng lại và vận động rung lắc giằng co trong hầu hết phiên giao dịch, sau đó đột ngột bật tăng mạnh về cuối phiên
 - F1 mở gap tăng điểm tích cực ngay từ đầu phiên, đi kèm với việc hình thành mẫu nến “Marubozu” cho thấy vị thế áp đảo hoàn toàn từ phe Long. Mặc dù vậy, chúng tôi vẫn lưu ý về khả năng F1 gặp áp lực rung lắc đáng kể trở lại quanh vùng 1305 (+10) và rủi ro đảo chiều xu hướng vẫn nên được lưu ý nếu chỉ số xuất hiện những phiên bulltrap mạnh hoặc tăng vượt đỉnh nhưng không đi kèm khối lượng giao dịch tăng tương xứng.
 - Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, Short tại kháng cự, Long tại hỗ trợ.
 - Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở Short quanh các vùng kháng cự.
- Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

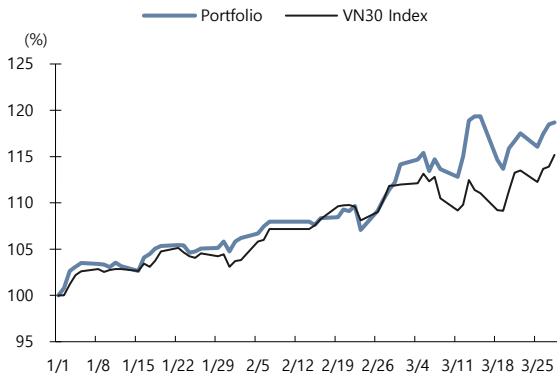
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Khoảng thời gian nắm giữ tiêu chuẩn là 3 tháng. Tuy nhiên danh mục được tái cơ cấu định kỳ vào tuần đầu mỗi tháng.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.12%	0.18%
Tăng lũy kế (YTD)	15.18%	18.68%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 28/03/2024	Daily return (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
SSI (SSI)	01/11/2023	39,150	1.7%	52.0%	- Hưởng lợi từ mặt bằng lãi suất, thanh khoản thị trường cải thiện mạnh so với cùng kỳ - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX và đưa vào giao dịch trong ngành (T0), giúp thị trường giao dịch sôi động
Gemadep (GMD)	01/03/2024	80,000	0.0%	4.7%	- Dự địa tăng trưởng vượt trội nhờ tăng công suất giai đoạn 2024-2026 - Hưởng lợi từ Thông tư 39 điều chỉnh biểu khung giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam - Hưởng lợi từ sự phục hồi của hoạt động xuất nhập khẩu
Vietcombank (VCB)	01/03/2024	95,700	-0.1%	-2.5%	- Tín dụng tăng trưởng bền vững trong năm 2024 - NIM kỳ vọng được duy trì ổn định nhờ chi phí vốn cải thiện - Bộ đệm dự phòng vững chắc
Digiworld (DGW)	01/03/2024	65,800	0.3%	17.9%	- Triển vọng hồi phục phụ thuộc vào sức mua - Đóng góp của các ngành hàng mới
PV Drilling (PVD)	01/02/2024	32,200	-0.9%	16.5%	- Nguồn cung giàn khoan vẫn sẽ thắt chặt trong dài hạn - Kỳ vọng nhu cầu thuê giàn tăng mạnh trong 2 năm tới - Thị trường E&P nội địa dự kiến sôi động hơn từ 2024
TNG (TNG)	01/02/2024	22,500	-1.3%	11.4%	- Hàng tồn kho của các hãng thời trang là đối tác của TNG có dấu hiệu giảm rõ nét - BLNG được kỳ vọng cải thiện trong 1Q2024 - Suy giảm xuất khẩu thu hẹp
BSI (BSI)	01/03/2024	64,000	3.1%	16.6%	- Hưởng lợi từ mặt bằng lãi suất, thanh khoản thị trường cải thiện mạnh so với cùng kỳ - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX và đưa vào giao dịch trong ngành (T0), giúp thị trường giao dịch sôi động
Hai An Transport (HAH)	01/03/2024	43,550	0.0%	3.8%	- Giá cước có thể cải thiện nhờ thời tiết, ảnh hưởng tới lưu lượng tàu tại các kênh đào - Khai thác cảng sẽ là nguồn thu ổn định cho HAH khi thị trường vận tải container gặp khó - HAH tích cực mở thêm các tuyến vận tải mới, giúp củng cố HĐKD và tăng sản lượng hàng qua cảng
Coteccons (CTD)	02/01/2024	72,700	-1.1%	5.7%	- Màng công nghiệp làm động lực tăng trưởng trong tương lai - Kỳ vọng giá trị hợp đồng ký mới trong FY2024 tăng 30%
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	01/03/2024	97,700	0.2%	8.1%	- Tiềm năng tăng trưởng dài hạn của vàng trang sức - Mở rộng mạng lưới cửa hàng đồng thời cải thiện doanh thu trên cửa hàng, tìm kiếm tệp khách hàng mới

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
STB	3.6%	24.3%	183.9
SSI	1.7%	#VALUE!	46.0
MWG	0.6%	44.4%	34.7
FTS	2.3%	30.5%	31.8
HCM	3.6%	29.4%	31.5
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VHM	1.9%	21.5%	-323.8
VRE	-1.2%	30.4%	-255.9
TCB	5.4%	22.5%	-192.3
VNM	0.0%	51.7%	-159.9
NVL	-2.5%	4.3%	-158.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
MBS	4.4%	0.4%	18.7
IDC	0.0%	21.0%	9.6
HUT	2.1%	1.7%	6.9
BVS	5.9%	6.0%	6.3
DTD	2.4%	4.2%	6.1
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	0.5%	10.2%	-7.1
CEO	-0.9%	5.2%	-3.3
TIG	0.7%	10.8%	-2.2
VGS	-1.1%	0.6%	-2.0
VC7	-2.1%	0.4%	-1.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và kỹ thuật	5.6%	DIG, HDG, VCG, PC1
Bán lẻ hàng chuyên dụng	4.8%	MWG, FRT, CTF, HAX
Thiết bị điện	4.3%	GEX, SAM, CAV, RAL
Nước	3.1%	BWE, TDM, SII, CLW
Chứng khoán	3.0%	SSI, VND, HCM, VCI
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	-2.1%	PLX, PGC, CNG, GSP
Thương mại & phân phối	-1.7%	VPG, TSC, BTT, TNA
Phụ tùng oto	-1.7%	DRC, CSM, PAC, TNC
Giấy & lâm sản	-1.0%	DHC, HAP, HHP, VID
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-1.0%	AST, VNG, DSN, DAH

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và kỹ thuật	20.4%	DIG, HDG, VCG, PC1
Bán lẻ hàng chuyên dụng	14.4%	MWG, FRT, CTF, HAX
Máy móc	13.6%	TCH, HHS, SRF, SHA
Chứng khoán	12.8%	SSI, VND, HCM, VCI
Hóa chất	11.4%	GVR, DGC, DPM, DCM
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tiện ích điện	-4.3%	PGV, NT2, PPC, TTA
Thương mại & phân phối	-1.8%	VPG, TSC, BTT, TNA
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-0.9%	AST, VNG, DSN, DAH
Sản xuất điện	-0.7%	POW, VSH, GEG, TMP
Hàng không dân dụng	0.1%	VJC, HVN

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	195,402 (7.9)	22.5	1,269.3	51.6	14.7	0.0	3.0	1.6	1.5	1.2	2.4	4.4	6.7
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	386,696 (15.6)	26.6	5.6	5.1	35.9	16.9	15.5	0.9	0.8	1.9	0.9	-2.5	0.2
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	346,031 (14.0)	17.8	14.0	12.4	-7.6	10.9	10.8	1.4	1.3	-1.2	-4.8	-7.7	10.1
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	536,126 (21.7)	31.3	-	-	6.7	-3.7	-6.4	0.9	1.0	-2.5	3.2	3.8	3.5
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	178,684 (7.2)	11.6	31.7	26.6	13.7	6.8	8.4	2.0	1.9	-1.3	1.9	17.0	20.7
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	323,458 (13.1)	13.9	46.9	29.6	-	2.9	4.4	1.3	1.3	-1.5	2.6	10.8	3.4
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	173,004 (7.0)	6.3	15.6	13.7	11.7	19.4	18.3	2.7	2.2	-0.1	0.5	-1.7	19.2
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	94,237 (3.8)	12.7	13.9	11.4	-5.3	18.3	18.6	2.1	1.8	0.2	-0.8	-2.4	21.2
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	455,195 (18.4)	0.0	7.7	6.2	14.3	16.1	17.0	1.1	1.0	5.4	6.4	13.7	50.9
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	339,705 (13.8)	1.4	9.3	7.2	50.3	17.2	18.6	1.3	1.1	0.7	2.4	-0.6	31.9
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	303,140 (12.3)	0.0	11.3	8.4	18.8	11.3	12.8	1.1	1.0	0.3	4.8	-1.3	2.3
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	596,478 (24.1)	0.0	5.8	4.9	14.6	21.3	20.1	1.2	1.1	0.8	3.0	4.5	36.7
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	149,443 (6.0)	4.2	6.1	5.2	23.3	21.9	21.0	1.2	1.0	0.4	1.5	4.5	19.5
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	656,173 (26.6)	14.0	6.4	4.2	26.5	19.9	23.3	1.1	0.9	3.6	1.6	1.9	14.5
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	251,679 (10.2)	0.0	7.2	5.6	37.4	16.2	18.0	1.2	1.0	-0.5	1.9	-4.5	9.8
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	284,038 (11.5)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-0.5	1.6	1.1	0.8
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	28,275 (1.1)	21.0	18.4	15.8	15.8	8.1	8.9	1.4	1.3	0.0	1.2	2.0	9.6
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	5,237 (0.2)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	-0.6	3.1	6.0	15.2
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	1,080,255 (43.7)	55.4	23.1	18.9	-3.2	11.6	12.4	-	-	1.7	4.0	8.4	19.4
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	456,380 (18.5)	71.9	33.1	24.5	-4.0	13.4	14.2	3.6	3.4	1.7	-0.6	18.9	25.6
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	285,830 (11.6)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	3.6	6.4	5.4	26.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	945,237 (38.2)	27.2	20.0	15.0	36.3	10.7	11.8	1.8	1.7	-0.4	-4.3	2.7	4.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	338,179 (13.7)	42.1	16.9	14.7	4.0	28.9	30.0	4.7	4.8	0.0	-1.0	-6.2	0.1
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	87,363 (3.5)	36.9	17.4	16.3	7.3	17.2	17.4	2.8	2.6	-0.5	0.0	-0.9	-9.2
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	485,437 (19.6)	16.5	50.1	25.2	-51.9	9.3	16.7	3.9	3.4	0.8	-2.6	11.3	13.4
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	12,843 (0.5)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.2	-1.8	2.6	-9.1
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	66,100 (2.7)	11.0	32.6	19.0	-88.5	12.5	17.6	-	-	0.2	0.6	-0.2	-4.4
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	147,579 (6.0)	10.8	23.5	19.6	-57.0	13.2	14.6	2.6	2.4	0.0	2.0	6.7	13.5
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	236,862 (9.6)	38.4	-	-	65.7	-	-	-	-	-1.0	-0.5	3.2	11.9
Công nghiệp (Tư bản)	CTR	VIETTEL CONSTRUC	55,596	6,360 (276)	56,583 (2.3)	48.0	29.8	24.1	26.2	28.0	28.9	6.9	5.8	-0.4	11.6	38.7	54.9
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	587,739 (23.8)	37.7	35.7	17.5	-14.4	7.9	6.7	-	-	-1.0	5.8	10.0	5.1
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	175,422 (7.1)	3.6	23.7	16.0	-52.4	3.1	4.6	0.7	0.7	-1.1	1.3	8.2	5.7
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	67,877 (2.7)	0.0	10.5	9.4	-4.5	12.4	13.9	1.3	1.2	0.0	1.6	4.4	12.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USDmn)	GTGD (VNĐ triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	118,712 (4.8)	46.1	16.8	15.8	-17.5	16.3	16.4	2.5	2.4	0.0	-0.9	2.9	6.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	27,833 (1.1)	31.4	-	15.1	-10.5	6.3	12.4	1.9	1.9	-0.2	3.3	-3.1	2.4
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,665 (0.1)	34.1	6.2	5.6	-5.1	16.4	17.5	-	-	-0.7	0.0	-1.5	-8.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	964,158 (39.0)	18.0	13.9	10.1	21.9	11.5	14.6	1.5	1.4	-0.2	1.0	-0.2	9.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	121,883 (4.9)	36.5	18.9	15.6	-0.5	8.2	7.7	1.3	1.2	1.1	2.1	3.9	8.9
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	180,146 (7.3)	46.5	12.9	14.0	-4.5	15.0	14.7	1.8	1.8	1.1	2.3	4.4	9.7
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	320,932 (13.0)	38.9	15.7	9.5	67.9	9.3	16.3	1.3	1.2	-0.2	5.9	5.0	5.5
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	38,091 (1.5)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	0.5	0.0	-1.3	16.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	57,000 (2.3)	4.6	15.1	14.0	-51.0	11.8	12.2	1.8	1.7	-1.2	-2.3	3.7	8.8
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	250,793 (10.2)	39.9	18.0	12.3	-11.9	6.4	7.8	1.1	1.1	-0.9	-0.5	4.5	13.8
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	132,724 (5.4)	35.9	8.2	6.9	2.2	16.2	16.5	1.2	1.1	-1.2	-1.2	6.5	8.9
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	628,051 (25.4)	0.0	26.6	14.2	14.4	9.7	14.3	3.0	2.7	0.6	5.2	12.6	19.2
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	182,555 (7.4)	0.0	14.9	12.9	2.4	21.5	21.6	2.9	2.5	0.2	-1.0	8.3	13.6
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	20,514 (0.8)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.9	1.4	-1.8	-11.2
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	131,428 (5.3)	30.3	84.9	34.4	-75.2	31.8	31.2	11.3	8.8	6.7	4.6	15.1	46.6
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	51,969 (2.1)	34.6	22.6	14.5	41.2	11.4	16.7	2.8	2.6	-0.8	-0.5	12.0	28.0
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,675 (0.1)	45.4	15.4	15.2	10.7	19.9	19.2	-	-	0.0	-0.3	7.5	11.8
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	374,306 (15.2)	0.0	19.2	15.7	15.5	29.3	30.2	5.2	4.4	1.6	0.8	7.9	21.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyennd1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khoí phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.